ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 05 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 /3/2026 và thay thế Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định phối hợp trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCPV. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phòng KTTC;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập hoặc đăng ký hoạt động (sau đây gọi là sau đăng ký thành lập) theo quy định của pháp luật chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, các nội dung phối hợp bao gồm:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

3. Báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; quản lý số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh, quản lý nộp thuế trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Ban quản lý Khu kinh tế;

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);

4. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương);

5. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc hai hay nhiều cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. Cơ quan quản lý nhà nước là các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Quy chế này.

7. Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện.

8. Địa điểm kinh doanh là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Thúc đẩy sự tham gia giám sát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mọi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; đảm bảo mỗi đối tượng được thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra.

4. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính cho đối tượng thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; đối với thành viên hợp danh của công ty hợp danh; đối với chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân; Ngành, nghề kinh doanh; Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có);

tên, mã số, địa chỉ, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh.

2. Thông tin đăng ký của hộ kinh doanh bao gồm: Tên hộ kinh doanh và mã số hộ kinh doanh; Trụ sở của hộ kinh doanh; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của chủ hộ kinh doanh; vốn kinh doanh; Ngành, nghề kinh doanh; danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh (nếu có).

3. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; đang làm thủ tục phá sản; đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

4. Thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; đã chấm dứt hoạt động.

5. Thông tin về tình trạng hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh, hoạt động; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; đã chấm dứt hoạt động.

6. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, các hình thức chế tài (nếu có), Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp lưu trữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông tin đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp đăng ký và hoạt động trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh có thể đề nghị Sở Tài chính cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính; thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính theo quy định để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông

tin đăng ký theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cấp trên địa bàn tỉnh. Nội dung thông tin công khai gồm:

a) Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cung cấp và công khai thông tin đăng ký các hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp trên địa bàn quản lý gồm:

a) Tên hộ kinh doanh;

b) Mã số hộ kinh doanh;

c) Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính thường xuyên đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin Cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình hoặc tiến hành kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi ban hành các văn bản dưới đây, có trách nhiệm đồng gửi cho Sở Tài chính, Cơ quan Thuế và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở chính:

a) Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, xử lý vi phạm về hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh, quyết định chấm dứt việc đình chỉ hoạt động kinh doanh;

c) Văn bản thông báo việc doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan Thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm đến hộ kinh doanh yêu cầu giải trình hoặc tiến hành kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm:

a) Chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan thuế và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình;

b) Tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính có trách nhiệm công khai thông tin doanh nghiệp vi phạm về đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống quản lý doanh nghiệp sau đăng ký; thông báo cho Cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm công khai danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm

pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Cục Thuế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã công khai thông tin hộ kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn có hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh, đã bị cơ quan có thẩm quyền cấp xã xử phạt vi phạm hành chính. Các thông tin công khai gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

4. Các cơ quan quản lý nhà nước khác có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh có vi phạm thuộc phạm vi quản lý, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Các thông tin công khai gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng dữ liệu điện tử qua mạng điện tử.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý. Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử, chia sẻ dữ liệu tự động thông qua giao diện lập trình ứng dụng API, hoặc các hình thức khác phù hợp.

Chương III

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, XÁC MINH, XỬ LÝ VI PHẠM, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong xác minh, xử lý vi phạm bao gồm: Phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

3. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh chủ trì việc rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh và kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và giữa kế hoạch kiểm tra của các cơ quan này.

2. Hằng năm, trước khi ban hành kế hoạch kiểm tra của năm sau liền kề, các cơ quan nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi dự thảo kế hoạch kiểm tra kèm theo danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến kiểm tra (thể hiện đầy đủ, chính xác thông tin của doanh nghiệp, hộ kinh doanh) về Thanh tra tỉnh để rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp.

3. Sau khi có kết quả xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch kiểm tra các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch kiểm tra của cấp mình, đảm bảo không được kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh quá 01 lần trong năm.

4. Trường hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi nhận được thông báo, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc yêu cầu làm việc của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước có liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh biết (kèm theo danh sách doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra) để chỉ đạo kịp thời, đồng thời, gửi Thanh tra tỉnh để theo dõi và thông báo danh sách các doanh nghiệp được Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra để các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh biết, không tiến hành kiểm tra và kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước.

Điều 14. Phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật, không quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh đúng đối tượng, đúng nội dung theo kế hoạch kiểm

tra đã ban hành; thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

3. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu có vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thì các cơ quan có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp kiểm tra hoặc tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền. Qua công tác kiểm tra, trường hợp cần thanh tra làm rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật, các cơ quan có thể đề nghị Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra theo quy định.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xác minh, xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác, cơ quan quản lý nhà nước quyết định đình chỉ hoạt động, xử phạt hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh. Đồng thời gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý theo chức năng quản lý ngành.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, hoạt động, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; Thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh

ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chấp hành thực hiện việc tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo thông báo và yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

5. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cùng phối hợp và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các nội dung quy định tại Điều này.

6. Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức kiểm tra doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra xác minh lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm. Việc xử lý vi phạm tuân thủ đúng quy định của pháp luật đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, không làm cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh; Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Khi xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh theo quy định phải bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng.

Trường hợp nhận được thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, nếu cần phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xử lý, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý;

b) Cơ quan quản lý thuế trực tiếp có trách nhiệm xác định doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm ngừng hoạt động kinh doanh (01 năm đối với doanh nghiệp, quá 06 tháng liên tục đối với hộ kinh doanh) mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế thuộc diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Cơ quan quản lý thuế, cơ quan hải quan có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh.

d) Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ xác minh nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh khi có đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các tổ chức, cá nhân khác.

đ) Các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý ngành; Xác minh, trả lời cho các tổ chức, cá nhân về bản sao văn bản, giấy tờ do cơ quan mình cấp bị giả mạo để làm cơ sở xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

e) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị cấm thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh tổ chức, đơn vị thuộc diện bị cấm; xác minh lý lịch của người bị cấm.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban

hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời gửi quyết định cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung sau:

a) Công tác trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Kết quả công tác xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

d) Kết quả thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm bị xử lý thu hồi;

đ) Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Các cơ quan quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và địa bàn quản lý; tình hình thực hiện phối hợp theo các nội dung quy định tại Quy chế này của năm liền trước. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh báo cáo kết quả thực hiện công tác thanh tra đối với doanh nghiệp và kết quả thực hiện rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp trong xây dựng kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp, xây dựng báo cáo về tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước, bao gồm đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này (khi có yêu cầu).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này;

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Quy chế này;

c) Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan quản lý nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thanh tra tỉnh:

Thực hiện thanh tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra hằng năm; thực hiện rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp trong xây dựng kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Quy chế này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy chế này

3. Sở Công Thương chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường:

a) Tổ chức rà soát, kiểm tra thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu gian lận, sai phạm trong giai đoạn hoạt động, đặc biệt là các ngành nghề có điều kiện, ngành nghề dễ phát sinh vi phạm;

b) Áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo thẩm quyền và đề xuất xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng, tái phạm; đồng thời thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh:

a) Chủ động, phối hợp với Sở Tài chính, Cơ quan thuế cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước vào cơ sở dữ liệu riêng (nếu có) của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo thông tin đầy đủ, thường xuyên, liên tục;

b) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành; Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, giấy phép hoạt động đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc nhiệm vụ và lĩnh vực ngành quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật. Thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý và các nhiệm vụ cụ thể tại Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

5. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Phối hợp xác minh theo đề nghị của cơ quan chức năng về nhân thân của: Người thành lập doanh nghiệp; người góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và tham gia vào các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau khi thành lập cùng các nhiệm vụ khác nêu trong Quy chế này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Công an tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển hộ kinh doanh trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

c) Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật; Trực tiếp theo dõi, kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và theo các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành

lập trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 21. Tổ chức thi hành

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan căn cứ Quy chế để chủ động thực hiện và phối hợp theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật./.